

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2024/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 05 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc duyệt hiệu chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Sông Cầu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ các Nghị định: số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt, quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 03/2008/TT-BKH ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định 122/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên đến năm 2020;

Trên cơ sở các văn bản của UBND tỉnh Phú Yên: Thông báo 443/TB-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2009 “Đồng ý lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Sông Cầu”, Quyết định 2171/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2009 về việc “Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ-dự toán kinh phí thực hiện dự án Hiệu chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Sông Cầu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (tại Báo cáo thẩm định 391/BC-SKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2011, kèm Biên bản số 16/ ngày 16 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng thẩm định),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt hiệu chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội thị xã Sông Cầu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển

1. Phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Yên, quy hoạch phát triển các ngành của tỉnh. Phù hợp các mục tiêu phát triển được đề ra trong các Nghị quyết tỉnh Đảng bộ và Đảng bộ Thị xã.

2. Phát huy và sử dụng có hiệu quả các yếu tố bên trong, thu hút tối đa các nguồn lực bên ngoài; tập trung phát huy thế mạnh về kinh tế du lịch và kinh tế biển, đồng thời phát triển mạnh các ngành kinh tế có ưu thế về vị trí địa lý, xây dựng Sông Cầu trở thành trung tâm kinh tế - xã hội khu vực phía Bắc tỉnh.

3. Phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường, công bằng xã hội, đảm bảo phát triển bền vững.

4. Phát huy yếu tố con người. Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí và chuyên môn cho người lao động.

5. Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với xây dựng và tăng cường thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát:

- Đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, hiệu quả, bền vững, phấn đấu đuổi kịp, vượt qua mức trung bình cả tỉnh vào năm 2015, hoặc trước năm 2015 khi có điều kiện tốt.

- Xây dựng Sông Cầu từng bước trở thành một thị xã du lịch, trung tâm kinh tế - xã hội khu vực phía Bắc tỉnh Phú Yên; đến năm 2020, thị xã Sông Cầu cơ bản đáp ứng các tiêu chí của một đô thị loại III.

- Tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với tiềm năng, lợi thế của thị xã, hình thành cơ cấu kinh tế: dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp.

2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu:

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011-2015: 15,8%/năm và giai đoạn 2016-2020: 15,7%/năm;

- Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp năm 2015: 43,3% - 33,1% - 23,6%; tương ứng đến năm 2020: 50,3% - 35,1% - 14,7%;

- Giá trị gia tăng bình quân đầu người (VA/người) năm 2015 đạt 1.781 USD, năm 2020 đạt 3.650 USD;

- Thu ngân sách địa phương tăng bình quân giai đoạn 2011-2015: 20%/năm, giai đoạn 2016-2020: 19%/năm.

b) Về xã hội:

- Giảm tốc độ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,0% năm 2015, ổn định tỷ lệ tăng này đến năm 2020;

- Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 51% năm 2015 và đạt 69% năm 2020;

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng năm 2015 còn 10%, năm 2020 dưới 5%;

- Giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo xuống <3% năm 2015 (theo TC 2011-2015), đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo, ngăn chặn tái nghèo;

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đến năm 2015: 99,6%, đến năm 2020 là 99,8%;

- Phần đầu đến năm 2015 có 93% số hộ gia đình đạt danh hiệu văn hóa, 90% số thôn, khu phố văn hóa và 70% xã, phường đạt danh hiệu văn hóa; tương ứng đến năm 2020 đạt 95%, 95%, 80%.

c) Về môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng vào năm 2015: 45%; năm 2020: 51%;

- Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước máy năm 2015 > 95%, đến năm 2020 xấp xỉ 100%;

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh năm 2015: 90%; đến năm 2020, xấp xỉ 100%.

III. Những lĩnh vực trọng điểm tạo bút phá

- **Trọng điểm 1:** Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng đô thị.

- **Trọng điểm 2:** Phát triển kinh tế biển gắn với phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu; trọng tâm là phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ; khai thác lợi thế về địa lý, địa hình, khí hậu, cảnh quan, di tích văn hóa,... phát triển du lịch biển, đặc biệt là vịnh Xuân Đài;

- **Trọng điểm 3:** Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài là mục tiêu xuyên suốt trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 và sau năm 2020.

IV. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu đến năm 2020

1. Các ngành kinh tế

1.1. Thương mại, dịch vụ, du lịch: Là ngành kinh tế mũi nhọn; phát triển với chất lượng cao, hiệu quả, bền vững, từng bước đưa ngành du lịch trở thành ngành kinh tế động lực, giữ vai trò, vị trí ngày càng quan trọng trong nền kinh tế; phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020: 19,6%/năm; trong đó, giai đoạn 2011- 2015: 20,7%/năm, giai đoạn 2016 - 2020: 18,5 %/năm.

a) Du lịch: Xây dựng Sông Cầu thành đô thị du lịch biển, mỗi năm thu hút trên 10.000 lượt khách;

- Tạo thuận lợi cho nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh dự án khu du lịch Bãi Tràm, sớm đầu tư xây dựng đưa vào hoạt động kinh doanh các dự án (Làng du lịch nghỉ mát R-S Xuân Phương; Khu du lịch Long Hải Bắc, Khu du lịch Bãi Nồm);

- Kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư du lịch tại các khu vực đã được quy hoạch (khu Bãi Tiên (Xuân Cảnh), làng du lịch sinh thái biển thôn 4, bãi Bàng, bãi Rạng (Xuân Hải); Đồng Bé (Xuân Thịnh); khu sinh thái vui chơi giải trí Hòa Hiệp (Xuân Thịnh)...);

- Phát triển các loại hình du lịch sinh thái bơi lội, lặn biển, du thuyền... trên vịnh Xuân Đài, đầm Cù Mông; quy hoạch thành khu du lịch quốc gia (đầm Cù Mông - bãi biển Từ Nham - Vịnh Xuân Đài - gành Đá Đĩa - hòn Lao Mái Nhà);

- Tăng cường liên doanh liên kết với các địa phương trong-ngoài tỉnh, trong nước để đầu tư cơ sở hạ tầng, tổ chức tốt các tour du lịch qua địa bàn;

- Chú trọng nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở vật chất chuyên ngành du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế; hình thành hệ thống khách sạn, các khu vui chơi, hội nghị, hội thảo hiện đại; phấn đấu đến năm 2020, trên địa bàn có 200 - 300 phòng đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên;

- Khôi phục và phát triển các món ăn đặc sản của địa phương, các lễ hội truyền thống để phục vụ nhu cầu của du khách và xây dựng nếp sống văn hóa dân tộc.

b) Thương mại: Phấn đấu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội tăng bình quân giai đoạn 2011-2015: 25%/năm, giai đoạn 2016-2020: 20%/năm;

- Tiếp tục củng cố, sắp xếp lại mạng lưới thương nghiệp bảo đảm gắn kết sản xuất với tiêu dùng; từng bước phát triển các hình thức bán hàng tiên tiến (tự chọn, bán qua điện thoại, bán tại nhà, bán qua mạng...); đẩy mạnh các hoạt động giao thương với bên ngoài, gia tăng sức mua thị trường; xây dựng, quảng bá các thương hiệu cho một số mặt hàng truyền thống (nước mắm Gành Đỏ, cá ngựa Xuân Cảnh, rượu Quán Đế, cá cơm Hòa An, tôm hùm, rượu cá ngựa, bánh tráng, các sản phẩm từ dừa...); tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, ổn định giá cả, chống sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, đầu cơ, buôn lậu, trốn thuế; xây dựng hệ thống thông tin thị trường ổn định, vững chắc cho các cơ sở làm định hướng sản xuất;

- Trên cơ sở các mặt hàng xuất khẩu truyền thống (hải sản, đồ gỗ mỹ nghệ,...) tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã, kiểm tra vệ sinh thực phẩm, hỗ trợ tìm kiếm mở rộng thị trường, đăng ký thương hiệu để đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu;

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tại phường Xuân Phú, xã Xuân Lộc và Xuân Hải. Đẩy nhanh xây mới chợ đầu mối thủy sản Dân Phước; kiên cố và tổ chức khai thác có hiệu quả mạng lưới chợ các xã, phường; quy hoạch chỉnh trang, khai thác các đường phố chính lớn để xây dựng các cửa hàng, cửa hiệu tiến tới xây dựng một số tuyến phố chuyên doanh thương mại: phố hàng may mặc, hàng nội thất, hàng lưu niệm, tư liệu sản xuất; ngoài ra, xuất phát từ nhu cầu tiêu dùng, hình thành một số khu vực buôn bán đặc thù (chợ đêm, chợ cuối tuần, chợ hoa).

c) Dịch vụ:

- Tạo điều kiện cho các ngân hàng mở chi nhánh tại thị xã Sông Cầu; chú trọng phát triển các loại hình bảo hiểm;

- Hình thành các tuyến xe chất lượng cao từ Sông Cầu đi các tỉnh, thành khác trong nước; mở rộng mạng lưới xe buýt khắp các xã, phường trên địa bàn;

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, quy hoạch bố trí sắp xếp lại các cơ sở dọc tuyến quốc lộ 1A, 1D phù hợp, đảm bảo mỹ quan; khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hộ gia đình tham gia kinh doanh dịch vụ cung ứng sửa chữa, giải trí, tư vấn, chuyển giao khoa học công nghệ...

1.2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011-2020: 17,2%/năm; trong đó, giai đoạn 2011-2015: 18,1%/năm, giai đoạn 2016-2020: 16,3%/năm.

- Công nghiệp chế biến hải sản, nông lâm sản: Đầu tư chiều sâu công nghiệp chế biến, đặc biệt là chế biến thủy sản gắn với bảo vệ môi trường, hạn chế việc bán sản phẩm thô:

+ Chế biến thủy hải sản đông lạnh xuất khẩu: tạo điều kiện nhà máy Chế biến thủy sản (tại Xuân Phương) đi vào hoạt động có hiệu quả; khuyến khích xây dựng một số nhà máy mới với công nghệ hiện đại, sử dụng các thiết bị tiên tiến; phấn đấu đến năm 2020, năng lực chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu đạt 8 - 10 nghìn tấn sản phẩm/năm.

+ Chế biến hải sản khô: khuyến khích, hỗ trợ các hộ gia đình (ở khu vực xã Xuân Hải, Xuân Hòa, Xuân Thịnh...) đầu tư phát triển nghề chế biến hải sản khô xuất khẩu (cá khô, ruốc khô, mực khô, tôm khô...), hình thành làng nghề, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp xuất khẩu, đáp ứng tiêu dùng nội địa; chú trọng công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng tại các địa bàn này nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Chế biến nước mắm: khuyến khích, tạo điều kiện các cơ sở đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu hàng hóa gắn với một số địa danh nổi tiếng (Gành Đỏ, Từ Nham, Hòa An...); chú trọng xây dựng mạng lưới tiêu thụ để phát triển sản xuất.

+ Chế biến hạt điều, dứa: mở rộng, nâng cấp xưởng chế biến hạt điều (xã Xuân Thọ 2), tạo thuận lợi các doanh nghiệp đầu tư lĩnh vực chế biến hạt điều, dứa; thu hút và tạo điều kiện các doanh nghiệp xây dựng, mở rộng sản xuất thảm sơ dứa và các sản phẩm từ dứa...

- Công nghiệp sản xuất và phân phối nước: Tiếp tục nâng công suất Nhà máy nước thị xã lên 10.000 m³/ngày đêm; nâng cấp Nhà máy nước Xuân Bình đảm bảo công suất phục vụ cho Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu và dân cư khu vực lân cận; mở rộng hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước để sử dụng hết công suất các nhà máy nước trên địa bàn.

- Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản: Khai thác đá vật liệu xây dựng thông thường phục vụ nhu cầu xây dựng cơ bản các công trình địa phương và vùng lân cận (đá chẻ, đá hộc, đá ốp lát,...).

- Công nghiệp cơ khí: Nâng cao năng lực hoạt động các cơ sở cơ khí, khuyến khích mở rộng quy mô, đầu tư trang thiết bị, nâng cao trình độ đội ngũ kỹ thuật đáp ứng tốt nhu cầu sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, ngành xây dựng; tiếp tục du nhập, nhân rộng các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp phù hợp với điều kiện của thị xã.

*** Tổ chức không gian phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:**

- Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu: Phát huy hiệu quả hoạt động Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu I; đầu tư kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu II; xúc tiến thủ tục quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu III và đưa vào quy hoạch mở rộng Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu IV (Xuân Bình - Xuân Lộc).

- Cụm công nghiệp: Xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Long Bình giai đoạn 1 (không mở rộng vì nằm cạnh khu dân cư đô thị); quy hoạch phát triển, đầu tư kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Triều Sơn (Xuân Thọ 2), Trung Trinh (Xuân Phương).

- Phát triển làng nghề:

+ Hỗ trợ đầu tư, củng cố, nâng cao chất lượng các làng nghề đã được công nhận (nước mắm Gành Đỏ (Xuân Thọ 2), đan bóng cá Hòa Thạnh (Xuân Cảnh), phơi sấy cá cơm Hòa An (Xuân Hòa).

+ Hỗ trợ đầu tư, phát triển và lập thủ tục đề nghị công nhận các làng nghề (chế biến nước mắm Từ Nham (Xuân Thịnh), Hòa An (Xuân Hòa), thôn 2 (Xuân Hải); sản xuất muối Tuyết Diêm (Xuân Bình), làng nghề sản xuất các sản phẩm từ dừa (Xuân Bình), cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền (khu phố Vạn Phước - phường Xuân Thành).

4.1.3. Nông lâm ngư nghiệp: Tốc độ tăng bình quân 3,5% - 4,0%/năm; trong đó, giai đoạn 2011 – 2015: 3,4%/năm; giai đoạn 2016 – 2020: 3,9%/năm.

a) Thủy sản:

- Nuôi trồng thủy sản: Phát triển theo hướng bền vững; phấn đấu đến năm 2015, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt từ 600 - 800ha và ổn định diện tích này đến năm 2020; sản lượng năm 2015: 2.500 tấn, năm 2020: 3.500 tấn;

- Khai thác thủy sản: Phát triển theo hướng đánh bắt xa bờ đi đôi với bảo vệ quốc phòng, an ninh vùng biển; phấn đấu sản lượng khai thác hàng năm khoảng 25 - 26 nghìn tấn:

+ Khuyến khích, hỗ trợ ngư dân đóng mới tàu công suất từ 90CV trở lên; đến năm 2015, số lượng tàu có công suất từ 90CV trở lên đạt 200 chiếc và năm 2020 có trên 300 chiếc; tàu thủ công, tàu có công suất thấp chuyển đổi sang phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch vùng ven biển, đảo;

+ Cải tạo, mở rộng các cảng cá Dân Phước, Hòa Mỹ, Gành Đỏ; đầu tư hoàn thành dự án xây dựng khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền ở đầm Cù Mông (Xuân Thịnh), vịnh

Xuân Đài (Dân Phú 1); tiếp tục đầu tư khu neo đậu tránh trú bão thôn Vĩnh Hòa (xã Xuân Thịnh); nâng cấp các cơ sở dịch vụ đóng mới và sửa chữa tàu thuyền; xây dựng hạ tầng chợ đầu mối thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá ở Vạn Phước (Xuân Thành);

+ Tăng cường quản lý tàu thuyền, xử phạt nghiêm minh các tàu thuyền không chấp hành theo qui định về đăng ký, đăng kiểm; đẩy mạnh kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các hình thức khai thác thủy sản mang tính hủy diệt.

b) Sản xuất muối: củng cố, phát triển nghề sản xuất muối, tập trung xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng làng muối Tuyệt Diêm (Xuân Bình) và Lệ Uyên (Xuân Phương); kêu gọi đầu tư sản xuất muối theo công nghệ cao, các sản phẩm sau muối; diện tích sản xuất muối đến năm 2020 khoảng 200ha, sản lượng đạt 80.000 tấn muối hạt.

c) Nông nghiệp:

- Trồng trọt: Tập trung vào 5 cây trồng chủ lực (dừa, lúa, điều, rau, cây mía, phát triển nghề trồng hoa cây cảnh);

+ Cây dừa: Cải tạo, thay thế diện tích cây dừa hiện có; diện tích trồng dừa năm 2015: 1.100ha, năm 2020: 850ha;

+ Cây lúa: đầu tư thâm canh diện tích lúa nước, mở rộng diện tích gieo trồng ở những khu vực có công trình thủy lợi mới; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, phân bón, kỹ thuật canh tác..., đưa năng suất bình quân trên 60 tạ/ha/vụ;

+ Cây điều: phát triển trên đất chưa sử dụng ở phía Tây, đặc biệt là dự án di giãn dân Bình Tây - Đá Giăng; sử dụng giống cây điều ghép cao sản, diện tích cây điều vào năm 2020: 2.000ha;

+ Rau, đậu các loại: xây dựng vành đai rau xanh (quanh trung tâm thị xã và các xã: Xuân Lộc, Xuân Thịnh, Xuân Hải...) đáp ứng một phần nhu cầu tiêu dùng tại chỗ; diện tích năm 2020: 500 - 700ha;

+ Cây mía: ổn định diện tích 900 - 1.000ha; chú trọng các biện pháp thâm canh, đầu tư các công trình thủy lợi để tưới cho vùng mía, thay thế các giống mía cũ bằng các giống mới có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu sâu bệnh và hạn hán tốt, đưa năng suất trên 50 tấn/ha;

+ Hoa và cây cảnh: xây dựng những vùng sản xuất hoa, cây cảnh tạo một vành đai xanh quanh thị xã (tại các xã Xuân Phương, Xuân Thọ 1, Xuân Lộc,...), tiến đến xây dựng các làng sinh thái phục vụ phát triển du lịch.

- Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi theo phương pháp an toàn sinh học, thay đổi giống mới; khuyến khích chăn nuôi tập trung, tăng cường công tác thú y, phòng chống dịch bệnh, tổ chức kiểm soát giết mổ và kiểm dịch động vật. Đàn bò đến năm 2015 khoảng 14.000 - 16.000 con (tỷ lệ bò lai 50%), năm 2020 đạt 23.000 con (tỷ lệ bò lai trên 70%); đàn heo đến năm 2015 đạt 17.000 - 19.000 con và năm 2020 đạt 28.000 con; đàn gia cầm đến năm 2015 đạt 125.000 con; năm 2020 trên 130.000 con.

- Lâm nghiệp: Đến năm 2015 hoàn thành nhanh công tác giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh vườn rừng và trồng cây gây rừng; tăng cường quản lý rừng bền vững theo quy hoạch 3 loại rừng đã được phê duyệt;

+ Đẩy mạnh trồng rừng tập trung, giai đoạn 2011-2015 trồng mới 2.600ha, giai đoạn 2016-2020 trồng mới 3.500ha rừng, chăm sóc tốt rừng trồng, nâng độ che phủ của rừng lên 45% vào năm 2015, 51% vào năm 2020;

+ Thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng; đặc biệt là rừng phòng hộ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý, bảo vệ rừng, đảm bảo khắc phục cơ bản tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép.

d) Xây dựng nông thôn mới:

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới cho tất cả các xã theo Quyết định 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; phấn đấu đến năm 2015 có 03 xã đạt các tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới, đến năm 2020 có ít nhất 06 xã đạt bộ tiêu chí này;

- Đẩy nhanh quá trình đô thị hóa nông thôn, tiếp tục quy hoạch mới các điểm dân cư nông thôn; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các điểm dân cư nông thôn đã được quy hoạch, nhất là các khu dân cư tập trung, tạo ra các khu vực trung tâm của xã đồng bộ về kết cấu hạ tầng; xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho các xã quy hoạch phát triển thành phường.

2. Các lĩnh vực xã hội

2.1. Dân số, lao động, việc làm và giảm nghèo:

- Ổn định tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giai đoạn 2011-2020 bình quân 1%/năm; đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế để thu hút nhiều và sử dụng hiệu quả nguồn lao động; đến năm 2020 lao động nông nghiệp chiếm 21-23% tổng lao động xã hội; phấn đấu bình quân mỗi năm giải quyết việc làm khoảng 1.500 - 2.000 lao động.

- Đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc đối tượng gia đình chính sách; lồng ghép chương trình giảm nghèo với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nhân rộng các mô hình giúp nhau làm kinh tế; giai đoạn 2011-2020 bình quân mỗi năm giảm từ 2,0 - 2,5% để đến năm 2020 trên địa bàn thị xã cơ bản không còn hộ nghèo, ngăn chặn tái nghèo.

2.2. Giáo dục - đào tạo:

a) Giáo dục: Củng cố, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, THCS; phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi trước năm 2015; có 07 xã, phường đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục trung học phổ thông năm 2015 và đạt 100% vào trước năm 2020;

- Từng bước đầu tư mạng lưới trường, lớp học theo hướng đạt chuẩn quốc gia; thực hiện hiệu quả chương trình kiên cố hóa phòng học, đáp ứng tốt nhu cầu học tập ngày càng tăng của học sinh, đảm bảo đủ phòng học cho học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày; đầu tư xây mới Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp thị xã;

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đảm bảo đến năm 2015 có 100% giáo viên các cấp có trình độ sư phạm đạt chuẩn và trên chuẩn;

- Nâng tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đến trường năm 2015: đạt 42%, năm 2020: 57%; trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày đến năm 2015 đạt 95%, đến năm 2020 đạt 99%; huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1, duy trì, giữ vững 100% học sinh đến lớp trong suốt thời gian học chương trình tiểu học; huy động học sinh trong độ tuổi 11 - 14 đến trường THCS đạt 100% vào năm 2015 và những năm tiếp theo; huy động học sinh trong độ tuổi 15 - 17 đến trường đạt 65% năm 2015 và trên 70% năm 2020.

b) Đào tạo: Bình quân hàng năm đào tạo khoảng 3.500 - 3.800 lao động, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 51% năm 2015 và trên 69% năm 2020;

- Xây dựng, nâng cấp Trung tâm Dạy nghề thành trường Trung cấp Nghề đạt chuẩn quốc gia, quy mô đào tạo trên 3.000 học viên/năm;

- Nâng cao chất lượng đào tạo, đa dạng các hình thức dạy nghề, trong đó chú trọng phát triển đào tạo nghề ngắn hạn và đào tạo công nhân kỹ thuật, kỹ thuật viên, nhân viên nghiệp vụ có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ thuật thực hành đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

- Hợp tác, liên kết chặt chẽ với các trường cao đẳng, đại học trong tỉnh và cả nước để đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, nâng cao trình độ, chất lượng đào tạo.

2.3. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Từng bước đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế theo hướng đạt chuẩn quốc gia; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ cán bộ y tế đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân với chất lượng phục vụ ngày càng cao; mở rộng y tế cộng đồng, xóa bỏ cơ bản các bệnh truyền nhiễm, tiêm đủ vắc xin cơ bản cho trẻ em, mở rộng bảo hiểm y tế.

- Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng, uống đủ 7 loại vắc xin phòng bệnh và trẻ em từ 6 đến 36 tháng tuổi được uống vitamin A, năm 2015: 99%, năm 2020: 100%. Đến năm 2015 có 7/14 xã, phường có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, với trang thiết bị tiên tiến và đạt 100% vào năm 2020.

- Tiếp tục nâng cấp mở rộng Bệnh viện Đa khoa thị xã, nâng quy mô lên 100 giường bệnh; đầu tư, cải tạo, nâng cấp mở rộng Phòng khám đa khoa khu vực Xuân Bình lên 15 giường và xây dựng thành bệnh viện đa khoa, quy mô khoảng 50 giường bệnh; đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây mới các Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia; gọi vốn đầu tư Phòng khám đa khoa hoặc Bệnh viện đa khoa chất lượng cao; đầu tư, nâng cấp mở rộng Trung tâm Y tế dự phòng; đến năm 2015 tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 12,8 giường, đạt 18,2 giường năm 2020.

- Sắp xếp lại nhân lực giữa các tuyến hợp lý để có thể điều động và hỗ trợ nhau; chú trọng phát triển đội ngũ bác sĩ ở các tuyến xã, phường; khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ đi học các khóa học chuyên sâu; đến năm 2015 tỷ lệ bác sỹ/vạn dân đạt 4 người và đạt 7 người năm 2020.

2.4. Văn hóa thông tin: Đầu tư chiều sâu hệ thống phát thanh, truyền hình; đầu tư cơ sở vật chất và sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa; nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa thông tin; xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nếp sống văn minh đô thị; đến năm 2020, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt từ 95 - 98%.

- Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể dục thể thao thị xã; xây dựng mỗi xã, phường một trung tâm văn hóa - thể thao; củng cố thư viện thị xã và hệ thống thư viện các xã, phường, đến năm 2015 có 100% xã, phường có thư viện hoặc phòng đọc cấp xã; xây dựng nhà văn hóa ở các thôn, đến năm 2015: 100% số thôn có điểm sinh hoạt văn hoá gắn với trụ sở thôn.

- Bảo tồn và tôn tạo, phát triển các di tích lịch sử, văn hóa (hành cung Long Bình; mộ và đền thờ Đào Trí, di chỉ khảo cổ học Gò Ốc, di tích lịch sử Vũng Lắm); công nhận vịnh Xuân Đài là danh thắng cấp quốc tế; đặc biệt, duy trì, phát triển các lễ hội (lễ hội sông nước Tam Giang, lễ hội cầu ngư, câu lạc bộ Tuồng...).

- Tôn tạo cảnh quan các nghĩa trang, nhà bia ghi tên liệt sĩ của các xã, phường (phường Xuân Yên, xã Xuân Cảnh, xã Xuân Lộc, xã Xuân Thịnh); tiếp tục tôn tạo, xây dựng một số nghĩa trang hoặc nhà bia ghi tên liệt sĩ ở các xã, phường mới thành lập).

2.5. Thể dục thể thao: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất ngành thể dục thể thao; đưa các hoạt động thể dục thể thao vào công sở, trường học và các địa bàn dân cư, phát triển các phong trào toàn dân rèn luyện thể thao; phấn đấu đến năm 2020, 100% xã, phường có trung tâm thể dục thể thao và 100% các điểm dân cư có cơ sở tập luyện thể dục thể thao.

- Đầu tư sân vận động trung tâm thị xã với quy mô 15.000 chỗ ngồi, các sân tập luyện thể dục thể thao tại các trường học, cơ quan; khuyến khích các hộ gia đình, hộ kinh tế tư nhân đầu tư các điểm tập luyện thể dục thể thao.

- Duy trì và phát triển các môn thể thao truyền thống dân tộc như: bơi thuyền, lắc thúng chai, kéo co dưới nước, đua thuyền, đập âm... đưa các loại hình trên vào phục vụ các ngày lễ hội, tết hàng năm.

2.6. Đảm bảo quốc phòng - an ninh:

- Tăng cường tuần tra, kiểm soát, phòng, ngăn ngừa hiệu quả các hoạt động xâm phạm chủ quyền biển, khai thác thủy sản trái phép; xây dựng thị xã thành khu vực phòng thủ vững chắc, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng an ninh; phối hợp Quân khu V, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh đầu tư hoàn chỉnh Sở Chỉ huy.

- Tăng cường giáo dục quốc phòng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, có chất lượng đảm bảo độ tin cậy; tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục, cảm hóa thanh thiếu niên có hành vi vi phạm pháp luật, kiềm chế sự gia tăng các loại tội phạm nghiêm trọng; triển khai đồng bộ các biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông.

2.7. Phát triển khoa học và công nghệ:

- Tập trung ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, đời sống và cải thiện môi trường; chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi..., nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi, tạo ra sản phẩm đặc trưng mang thương hiệu địa phương.

- Phối hợp với Tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp; có chính sách hỗ trợ phát triển thương hiệu trên địa bàn, tiếp tục xác lập bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm truyền thống.

3. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

3.1. Giao thông - vận tải:

a) Đường bộ:

* Quốc lộ, đường tỉnh:

- Kiến nghị, phối hợp Trung ương, Tỉnh xây dựng Hàm đường bộ đèo Cù Mông; nâng cấp, sửa chữa, duy tu thường xuyên quốc lộ 1A, 1D;

- Kiến nghị tỉnh sớm đầu tư nâng cấp, mở rộng ĐT642 đoạn Triều Sơn - La Hai (Đồng Xuân);

- Đầu tư nâng cấp, đấu nối tuyến ĐT644 vào ĐT641, ĐT647 đi Gia Lai;

- Phối hợp, tạo điều kiện để Tỉnh đầu tư tuyến đường thành phố Tuy Hòa - Long Thủy - Gành Đá Đĩa - Sông Cầu, đoạn qua thị xã Sông Cầu.

* Đường nội vùng:

- Đường đô thị:

+ Đầu tư nâng cấp quốc lộ 1A nội thị (trục Bắc-Nam), đoạn tuyến ĐT644 đi qua khu vực nội thị (trục Đông-Tây) đạt tiêu chuẩn đường phố chính đô thị;

+ Đầu tư nâng cấp các tuyến: Nguyễn Hồng Sơn, Hùng Vương, Lê Lợi, Lê Thành Phương, Võ Thị Sáu, Trần Hưng Đạo, Phan Đình Phùng, Lương Văn Chánh, Hoàng Hoa Thám, Trần Bình Trọng, Lý Thường Kiệt... đạt tiêu chuẩn đường phố khu vực;

+ Đầu tư mới hệ thống các tuyến đường ngang, đường nội bộ, và hệ thống giao thông ở khu vực một số xã phát triển thành đô thị như: xã Xuân Hải, Xuân Lộc, Xuân Hòa, Xuân Thịnh,... đảm bảo đạt tiêu chuẩn đường đô thị; đồng thời, đầu tư mới hệ thống cầu bắc qua các sông (sông Tam Giang, sông Lục Khẩu, sông Thị Thạc,...).

- Đường huyện: Chú trọng đầu tư mới các tuyến giao thông quan trọng mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội nhanh (tuyến Bình Thạnh - Đá Giăng, tuyến Lê Uyên - Bình Thạnh Nam, tuyến Nhà Ngòi - Phú Dương - Từ Nham, tuyến Vũng Chèo - Từ Nham, tuyến Trung Trinh - Vũng La, tuyến Chánh Lộc - Diêm Trường, tuyến Long Thạnh - Xuân Hải, tuyến Hảo Danh - Hảo Nghĩa - Mỹ Lương...) tối thiểu đạt đường cấp V; đầu tư các cầu nối bán đảo Hòa Lợi, Hòa Thạnh với trung tâm xã Xuân Cảnh.

* **Đường xã:** Đầu tư các tuyến đường liên xã, liên thôn đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại A; các tuyến đường nội bộ thôn đạt tiêu chuẩn giao thông nông thôn loại B; đến năm 2020 cứng hoá mặt đường từ 60-70%.

* **Bến xe:**

- Di dời, xây mới bến xe trung tâm thị xã đạt tiêu chuẩn loại 4; xây mới bến xe Xuân Lộc, Gành Đỏ, Xuân Hải đạt tiêu chuẩn loại 6;

- Đầu tư trạm dừng xe công cộng dọc các tuyến quốc lộ 1A, quốc lộ 1D, ĐT642, ĐT644, tại các khu vực nội thị Tx.Sông Cầu, Xuân Lộc,...

b) Đường biển: Đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các bến cá Dân Phước, Gành Đỏ, Xuân Cảnh; đầu tư 02 cảng biển phục vụ du lịch (Dân Phú 1 tại xã Xuân Phương, và Xuân Thịnh khi có điều kiện).

3.2. Hệ thống thông tin, truyền thông:

- Mở rộng mạng lưới bưu chính đến tất cả các thôn, các cụm công nghiệp, khu du lịch, khu dân cư, nâng cao chất lượng dịch vụ, cung cấp rộng rãi các dịch vụ chuyển phát nhanh, chuyển tiền nhanh, đảm bảo cung cấp dịch vụ theo hướng cung cấp ứng dụng rộng rãi mọi lĩnh vực và giải trí.

- Phát triển kết cấu hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng với dung lượng lớn, đa dịch vụ, chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng.

3.3. Cấp điện: Duy tu, cải tạo, sửa chữa các nguồn cung cấp điện hiện có, đầu tư các trạm biến áp nguồn mới, đồng thời củng cố và phát triển lưới điện theo hướng hiện đại; đảm bảo đến năm 2015 tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt 99,6% và đến năm 2020 là 99,8%.

3.4. Thủy lợi: Tranh thủ nguồn vốn Trung ương, Tỉnh xây mới một số công trình thủy lợi phục vụ nông nghiệp và dân sinh (hồ chứa nước Nhiêu Hậu (Xuân Thọ 1), Hồ Hương (Xuân Phương); đập ngăn lũ, dự trữ nước sinh hoạt (Soi Bà Trúng - Bình Nông, đập Đá Dăng (Xuân Lâm), sử dụng và khai thác hiệu quả hồ chứa nước Xuân Bình; tiếp tục triển khai các dự án lấn biển tại trung tâm thị xã Sông Cầu, khu đô thị mới Lệ Uyên, An Bình Thạnh, khu dân cư Xuân Hải; phấn đấu hoàn thành hệ thống đê chắn sóng, chống xói lở ở trung tâm thị xã, kè sông Bình Bá, sông Thị Thạc, san lấp mặt bằng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư bên trong dự án đê kè.

3.5. Cấp, thoát nước:

a) Cấp nước: Đảm bảo đến năm 2020, 100% các khu đô thị trên địa bàn đều có nước máy cho sinh hoạt và sản xuất, 100% dân số đều có nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

- Đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy nước Sông Cầu lên 10.000m³/ngày đêm và mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước đến các xã lân cận (Xuân Phương, Xuân Thọ 1, Xuân Thọ 2);

- Đầu tư mới đường ống dẫn nước từ hồ Xuân Bình bổ sung nguồn nước cho Nhà máy nước Đông Bắc Sông Cầu, đồng thời nâng công suất của Nhà máy lên 5.000 m³/ngày đêm trong giai đoạn sau 2015 để cấp nước cho Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu và các khu dân cư lân cận;

- Đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới các công trình cấp nước tập trung ở các xã (Xuân Thọ 1, xã Xuân Lâm, Xuân Lộc, Xuân Bình, Xuân Thịnh...), với công suất 200-500 m³/ngày đêm.

b) Thoát nước:

- Đẩy nhanh việc đầu tư xây mới, hoàn thiện cơ sở hạ tầng hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải đô thị: xây dựng hệ thống đường cống, rãnh thoát nước tại các phường Xuân Phú, Xuân Yên, Xuân Thành, Xuân Đài, từng bước tách thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt riêng, kết hợp xây dựng công trình xử lý nước thải. Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước hiện có;

- Đầu tư các trạm xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu, các bệnh viện, các cơ sở y tế, cơ sở sản xuất, làng nghề... đảm bảo nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh và khử trùng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung.

3.6. Hệ thống xử lý chất thải và nghĩa trang:

- Đầu tư xây dựng các bãi rác (ở thị xã - 20 ha; Dinh Bà; Xuân Hải).

- Đầu tư xây dựng nghĩa trang ở thị xã; chỉnh trang, cải tạo, mở rộng nghĩa trang nhân dân (Xuân Lộc; Xuân Hải; Xuân Hòa; Xuân Thịnh; Xuân Phương...) di dời, đóng cửa một số nghĩa trang (Dân Phước; Long Thạnh, Hòn Dung); giữ nguyên hiện trạng, hạn chế chôn cất, không mở rộng, khuyến khích người dân mai táng tại nghĩa trang ở xã, lập kế hoạch đóng cửa đến năm 2015.

4.5. Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường: Tiếp tục phòng ngừa ô nhiễm, tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học, chú trọng sử dụng hợp lý, tiết kiệm các tài nguyên thiên nhiên, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên đất; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; cải thiện môi trường, tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, nghiêm cấm phá rừng; tăng cường bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên nhân văn; khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường.

4.6. Phát triển theo lãnh thổ:

4.6.1. Phát triển các vùng kinh tế:

- Tiểu vùng phía Bắc (gồm các xã, phường phía Bắc từ xã Xuân Cảnh trở ra): *hướng phát triển*: Ưu tiên phát triển tiểu vùng theo hướng công nghiệp - du lịch - thương mại - ngư nghiệp, mở rộng khai thác đất sản xuất nông lâm nghiệp ở vùng đất phía Tây; đẩy mạnh nuôi trồng và khai thác hải sản, nhất là khai thác hải sản xa bờ, nuôi các loại thủy sản xuất khẩu; hình thành các đô thị vệ tinh cánh Bắc gồm có 4 phường.

- Tiểu vùng phía Nam (gồm các xã, phường phía Nam từ xã Xuân Thịnh trở vào): *hướng phát triển*: Ưu tiên phát triển theo hướng thương mại - du lịch - công nghiệp - ngư

nghiệp, phát triển, mở rộng, nâng cấp các khu dân cư ven biển, phát triển thương mại - dịch vụ, mở rộng, nâng cấp cảng cá Dân Phước, xây dựng cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ hậu cần nghề cá và chợ đầu mối thủy sản, mở rộng khai thác diện tích đất sản xuất nông - lâm nghiệp ở vùng đất phía Tây.

4.6.2. Phát triển đơn vị hành chính, phát triển đô thị:

a) Phát triển đơn vị hành chính: đến năm 2020, thị xã Sông Cầu có 8 phường, 9 xã, tổng cộng là 17 xã, phường, trên cơ sở:

- Tách xã Xuân Lộc thành 1 xã mới và hình thành 1 phường mới;
- Tách xã Xuân Hải, hình thành 2 phường mới;
- Tách xã Xuân Thịnh thành 1 xã mới và hình thành 1 phường mới.

b) Phát triển đô thị:

- Đô thị trung tâm thị xã Sông Cầu: Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, tạo nền tảng để phát triển đô thị theo tiêu chí đô thị loại III vào sau năm 2020;

- Phát triển các thị tứ, đô thị vệ tinh: Ngoài vùng đô thị trung tâm thị xã (4 phường), phát triển đồng bộ, hoàn chỉnh thị xã Sông Cầu có hệ thống đô thị trung tâm khu vực phía Bắc (Xuân Lộc làm hạt nhân), và các đô thị vệ tinh (Xuân Hải, Xuân Thịnh); rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các quy hoạch điểm dân cư nông thôn, khu dân cư đô thị phù hợp định hướng phát triển đô thị khi điều chỉnh địa giới hành chính các xã, phường; trong đó, nâng cấp xã Xuân Hải và một phần diện tích các xã Xuân Lộc, Xuân Thịnh thành đô thị loại V vào năm 2015;

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các điểm dân cư nông thôn theo hướng đô thị hóa (hình thành thị tứ) ở các xã (Long Thạnh (Xuân Lộc), dọc tuyến đường Xuân Bình - Xuân Hải, Từ Nham (Xuân Thịnh), Chánh Nam (Xuân Thọ 1), Hòa Lợi (Xuân Cảnh), Triều Sơn (Xuân Thọ 2).

5. Các dự án ưu tiên đầu tư: Chi tiết xem Biểu - **Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư** tại Phụ lục kèm Quyết định này.

6. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện quy hoạch

6.1. Về huy động vốn đầu tư:

- **Nhu cầu vốn đầu tư:** Nhu cầu vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội thị xã Sông Cầu giai đoạn 2011-2020 ước khoảng 24.876 tỷ đồng (\approx 1.045 triệu USD), bình quân mỗi năm đầu tư 2.488 tỷ đồng.

- **Nguồn huy động:** Ngân sách nhà nước và ODA: 25 - 30%; vốn tín dụng đầu tư: 15 - 20%; vốn đầu tư dân, các doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh: 35 - 40%; vốn đầu tư nước ngoài (FDI): 10 - 15% tổng vốn đầu tư.

6.2. Về cơ chế, chính sách: Tiếp tục rà soát, nâng cao chất lượng quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phát triển giao thông, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khu dân cư phù hợp với chuyên dịch cơ cấu kinh tế; hoàn chỉnh quy hoạch chung xây

dựng nội thị thị xã Sông Cầu và vùng phụ cận; quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch tổng thể khai thác tiềm năng vịnh Xuân Đài.

6.3. Về phát triển nguồn nhân lực:

- Duy trì mức sinh hợp lý, xây dựng và mở rộng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe gia đình; hỗ trợ cá nhân, gia đình có các vấn đề về bệnh di truyền; nâng cao phúc lợi xã hội.

- Đẩy mạnh phát triển giáo dục - đào tạo; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ quản lý; hỗ trợ mở các lớp bồi dưỡng đội ngũ quản lý doanh nghiệp, khuyến khích học thạc sĩ, tiến sĩ; thực hiện hiệu quả các chế độ đãi ngộ, có các chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia giỏi.

6.4. Về bảo vệ môi trường: Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường; xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường; tăng cường quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; huy động tối đa nguồn vốn từ các chủ thể xã hội cho các hoạt động bảo vệ môi trường.

6.5. Liên kết, hợp tác với các địa phương: Củng cố, phát triển các mối quan hệ hợp tác, liên kết giữa Sông Cầu với các huyện trong tỉnh và một số tỉnh thành trong nước trên các lĩnh vực, đặc biệt là với Quy Nhơn - Bình Định, gắn kết Sông Cầu với Khu kinh tế Nhơn Hội; phối hợp với Tỉnh thực hiện tốt các chương trình hợp tác mà Phú Yên đã ký kết với các tỉnh Bình Định, Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk.

6.6. Về phát triển nền kinh tế nhiều thành phần:

- Tạo điều kiện thuận lợi và môi trường thông thoáng cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn thị xã trên cơ sở cơ chế, chính sách chung của tỉnh; khuyến khích tư nhân thành lập doanh nghiệp, phát triển các hình thức sản xuất liên doanh, liên kết mở rộng năng lực sản xuất dưới nhiều hình thức sở hữu để tăng cường khả năng hội nhập.

- Ổn định, phát huy vai trò kinh tế tập thể, tạo thuận lợi các Hợp tác xã tiếp cận các thông tin, hỗ trợ đào tạo nghề mới, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhằm giúp các Hợp tác xã chủ động mở rộng ngành nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho xã viên; phát triển các hình thức hợp tác nhằm mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất.

IV. Tầm nhìn phát triển kinh tế xã hội đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân từ 13 - 14%/năm; trong đó, tập trung phát triển mạnh các ngành du lịch - dịch vụ tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững.

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng: Dịch vụ - Công nghiệp - Nông nghiệp với tỷ lệ tương ứng từ 50,3% - 35,1% - 14,7% năm 2020 và 55,2% - 35,4% - 9,4% vào năm 2025.

- Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đến năm 2025 lao động nông nghiệp chỉ còn khoảng 18,5%.

- Đầu tư hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn, phát triển Sông Cầu thành đô thị loại III, thành phố du lịch - dịch vụ gắn với thiên nhiên ven biển.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

1. UBND thị xã Sông Cầu: chịu trách nhiệm tổ chức công bố quy hoạch sau khi phê duyệt; nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quy hoạch; phổ biến và vận động nhân dân tham gia thực hiện quy hoạch; cụ thể hóa quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch; thường xuyên cập nhật, hiệu chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp thực tế từng giai đoạn của thị xã.

2. Các sở, ban, ngành liên quan khác: theo từng chức năng, phối hợp, hướng dẫn, tạo điều kiện UBND thị xã Sông Cầu thực hiện Quy hoạch này.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; chủ quy hoạch (UBND thị xã Sông Cầu); Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

PHỤ LỤC*(Kèm theo Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 05/12/2011 của UBND tỉnh)***BẢNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

TT	CHƯƠNG TRÌNH - DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	NGUỒN VỐN
A	DỰ ÁN XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG		
1	Cải tạo, nâng cấp lưới điện đô thị và lưới điện các xã	các phường, xã	Ngân sách nhà nước (NSNN)
2	Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch	các xã, phường	NSNN, doanh nghiệp
3	Trung tâm Thương mại thị xã	p. Xuân Phú	Ngân sách NN, Doanh nghiệp
4	Cải tạo, nâng cấp mở rộng bệnh viện Đa khoa	p. Xuân Yên	NSNN
5	Đầu tư các trạm Y tế, phòng khám để đạt chuẩn	các xã, phường	NSNN
6	Đầu tư kiên cố hoá trường học để đạt chuẩn	các xã, phường	NSNN
7	Đầu tư mới các trường phổ thông các cấp	các xã, phường	NSNN
8	Mở rộng, nâng cấp TT Nghề thành Trung cấp Nghề	xã Xuân Phương	NSNN
9	Sân vận động, cụm văn hóa TDTT đa chức năng.	p. Xuân Yên	NSNN
10	Công viên trung tâm và hồ điều hòa nội thị	p. Xuân Phú	NSNN
11	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng HT giao thông nội thị	các Phường	NSNN
12	Hệ thống thoát nước đô thị	các Phường	NSNN
13	Nghĩa trang thị xã	xã Xuân Lộc	NSNN
14	Bãi rác trung tâm thị xã, bãi rác Gò Hầm, HT thu gom quản lý chất thải rắn	các xã: Xuân Bình, Xuân Lộc	NSNN
15	Bến xe thị xã	p. Xuân Phú	NSNN, doanh nghiệp
16	Đầu tư hệ thống nước sạch- VSMT nông thôn	các xã	NSNN
17	Kè chống xói lở hạ lưu Tam Giang	p. Xuân Phú Xuân Lâm	NSNN (PCBL)
18	Hoàn chỉnh hệ thống kênh tưới hồ Xuân Bình	Xã Xuân Bình	NSNN, nhân dân
19	Hồ chứa nước Nhiêu Hậu	p. Xuân Thọ 1	NSNN + ODA
20	Hồ chứa nước thượng nguồn đập Đá Vải, nâng cấp kênh tưới Đá Vải		NSNN, nhân dân
21	Hồ chứa nước Hồ Hương	xã Xuân Phương	NSNN
22	Các đập dâng nước Soi Bà Trúng; Dùm Lùng; Vũng Me; Đồng Sơn; Đá Giăng; Bình Nông	các xã	NSNN
23	Các Công ngăn mặn Lệ Uyên; cầu Ông Kiều		NSNN
24	Kè sông Thị Thạc	các xã Xuân Yên, Xuân Phú	NSNN
25	Kè sông Bình Bá	Xuân Đài	NSNN
26	Hệ thống kè biển: Xuân Hải, Xuân Thịnh, Xuân	các xã, phường	NSNN

TT	CHƯƠNG TRÌNH - DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	NGUỒN VỐN
	Hòa... đề chỉnh dòng Lục Khẩu, đề bao lán biển Long Hải, kè Xuân Thọ 1, Xuân Thọ 2.		
27	Nâng cấp cảng cá Dân Phước và trung tâm Dịch vụ hậu cần nghề cá	p.Xuân Thành	NSNN, nhân dân
28	Kết cấu hạ tầng vùng sản xuất muối Tuyết Diêm	xã Xuân Bình	NSNN, nhân dân
29	Khu neo đậu tàu thuyền, tránh trú bão	vịnh Xuân Đài và đầm Cù Mông	NSNN
30	Hạ tầng kỹ thuật vùng NTTS Long Thạnh	xã Xuân Lộc	NSNN, nhân dân
31	Bê tông hóa giao thông nông thôn	các xã	NSNN, nhân dân
32	Nhựa hóa, bê tông hóa giao thông nội thị	các phường	NSNN, nhân dân
33	Nâng cấp mở rộng tuyến: Trung Trinh -Vũng La - Từ Nham	các xã	NSNN, nhân dân
34	Nâng cấp mở rộng tuyến đường: Bình Thạnh – Đá Giăng	các xã	NSNN, nhân dân
35	Nâng cấp mở rộng tuyến đường: Lê Uyên – Bình Thạnh Nam	các xã	NSNN, nhân dân
36	Nâng cấp mở rộng tuyến: Hòa Hiệp – Phú Dương - Từ Nham	các xã	NSNN, nhân dân
37	Nâng cấp mở rộng tuyến: Chánh Lộc – Diêm trường – thôn 5	các xã	NSNN, nhân dân
38	Nâng cấp mở rộng tuyến đường: Long Thạnh – Xuân Hải	các xã	NSNN, nhân dân
39	Nâng cấp mở rộng tuyến: Hào Danh - Hào Nghĩa - Mỹ Lương	các xã	NSNN, nhân dân
40	Nâng cấp mở rộng tuyến đường: Chánh Bắc – Tam Giang	các xã	NSNN, nhân dân
41	Nâng cấp mở rộng tuyến: cầu-đường Xuân Bình – Xuân Hải	các xã	NSNN, nhân dân
42	Nâng cấp, mở rộng tuyến Nhà Ngòi – Phú Dương - Từ Nham	các xã	NSNN, nhân dân
43	Kết cấu hạ tầng các khu đô thị mới: Lê Uyên; An Bình Thạnh; Xuân Hải; khu dân cư dọc bờ biển	các xã	NSNN, nhân dân
44	Kết cấu hạ tầng các thị tứ để nâng cấp đô thị loại IV: Xuân Lộc; Xuân Hải; Xuân Thịnh	các xã	NSNN
45	Hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng KCN Đông Bắc Sông Cầu I	xã Xuân Hải	NSNN, doanh nghiệp
46	Kết cấu hạ tầng KCN Đông Bắc Sông Cầu II; III	các xã: Xuân Hải, Xuân Hòa	NSNN, doanh nghiệp
47	Kết cấu hạ tầng KCN Đông Bắc Sông Cầu IV	các xã: Xuân Lộc, Xuân Bình	NSNN, doanh nghiệp
48	Kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp Long Bình	p. Xuân Phú	NSNN, doanh nghiệp
49	Đầu tư hạ tầng các làng nghề TTCN: Từ Nham, Gành Đỏ, Xuân Lộc, Xuân Bình, Xuân Hải, Xuân Hòa...	các xã	NSNN, nhân dân
50	Dự án các khu đô thị mới: Lê Uyên; An Bình	các xã	NSNN, nhân dân

TT	CHƯƠNG TRÌNH - DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	NGUỒN VỐN
	Thạnh; Xuân Hải, khu dân cư ven biển thị xã...		
B	DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH (gọi đầu tư)		
1	Khu du lịch Long Hải Bắc	p. Xuân Yên	Doanh nghiệp, FDI
2	Sửa chữa và đóng mới tàu thuyền Vạn Phước	p. Xuân Thành	Doanh nghiệp, FDI
3	Khu du lịch sinh thái Bãi Ôm	xã Xuân Phương	Doanh nghiệp, FDI
4	Khu du lịch sinh thái Đồng Bé	Xuân Thịnh	Doanh nghiệp, FDI
5	Khu du lịch sinh thái Thôn 4	xã Xuân Hải	Doanh nghiệp, FDI
6	Khu du lịch vui chơi giải trí khu vực Gành Đỏ, An Bình Thạnh	xã Xuân Đài	Doanh nghiệp, FDI
7	Khu du lịch vui chơi giải trí khu vực Nhất Tự Sơn	xã Xuân Thành	Doanh nghiệp, FDI
8	Khu du lịch vui chơi giải trí khu vực Lệ Uyên, Phước Lý	xã Xuân Yên	Doanh nghiệp, FDI
9	Khu du lịch vui chơi giải trí khu vực Vũng Chèo	xã Xuân Phương	Doanh nghiệp, FDI
10	Khu du lịch vui chơi giải trí khu vực Hòa Mỹ	xã Xuân Cảnh	Doanh nghiệp, FDI
12	Khu du lịch vui chơi giải trí khu vực Hòa An	xã Xuân Hòa	Doanh nghiệp, FDI
13	Khu du lịch vui chơi giải trí khu vực Bãi Bàu, Bãi Rạng	xã Xuân Hải	Doanh nghiệp, FDI
14	Khu du lịch Bãi Nồm	xã Xuân Hòa	Doanh nghiệp, FDI
15	Khu du lịch Hồng Anh	xã Xuân Hải	Doanh nghiệp, FDI
16	Khu du lịch Hòn Ngọc Bãi Tràm	xã Xuân Cảnh	Doanh nghiệp, FDI
17	Dự án Công viên Tượng	xã Xuân Hải	Doanh nghiệp, FDI
18	Dự án giống thủy sản	xã Xuân Hải	Doanh nghiệp, FDI
19	Dự án nuôi cá Đài Loan	xã Xuân Phương	Doanh nghiệp, FDI
20	Khu du lịch vui chơi giải trí khu vực dọc tuyến tránh QL1A	xã Xuân Phú	Doanh nghiệp, FDI
21	Hệ thống truyền hình cáp	các phường	Doanh nghiệp, FDI
22	Các nhà máy chế biến thủy hải sản	xã Xuân Phương hoặc các xã	Doanh nghiệp, FDI
23	Nhà máy chế biến nhân hạt điều	các cụm CN	Doanh nghiệp, FDI

TT	CHƯƠNG TRÌNH - DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM	NGUỒN VỐN
24	Nhà máy chế biến các sản phẩm từ dừa	xã Xuân Bình	Doanh nghiệp, FDI
25	Nhà máy chế biến muối	xã Xuân Bình	Doanh nghiệp, FDI
26	Nhà máy Phong điện		Doanh nghiệp, FDI